

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH C.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2022/DS-ST
Ngày 30-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, tiền hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH C.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng;

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh C..

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh C. tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Bích Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh C. xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022, về việc “tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Danh Thị T1, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương, Trợ giúp viên pháp lý.

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/12/2022).

- Bị đơn: Bà Danh Thị S, sinh năm 1962 (có mặt).

Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2022, các lời trình bày trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn bà Danh Thị T1 trình bày:

Bà S và ông T2 còn thiếu tiền hội trong các dây hội do bà làm chủ, cụ thể: Hội mở ngày 17/02/2020 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng/tháng có 27 chân, ông T2 bà S tham gia 01 chung, đã hốt hội và bà đã giao tiền hội xong. Đến tháng 3/2021 thì không đóng hội, còn thiếu lại 11 tháng x 2.000.000 đồng = 22.000.000 đồng; Hội mở ngày 25/10/2020 âm lịch loại hội 2.000.000 đồng/tháng, ông T2 bà S tham gia 01 chung, đã hốt hội, ngừng đóng từ tháng 3/2021, số tiền còn thiếu lại là 18 tháng x 2.000.000 đồng = 36.000.000đ. Tổng cộng hai dây hội còn thiếu số tiền là 58.000.000 đồng. Bà đã đòi nhiều lần nhưng bà S, ông T2 không trả. Bà có thiếu tiền hội con bà S, ông T2 số tiền 38.700.000 đồng, con ông S, bà T2 điện thoại đòi bà, trong khi ông T2, bà S thiếu tiền hội bà không trả nên bà yêu cầu bà S, ông T2 trả tiền hội còn thiếu cho bà để bà trả cho con ông T2, bà S.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông có tham gia 01 dây hội loại 2.000.000 đồng do bà T1 làm chủ, dây hội này ông đã hốt, sau đó do bị tai nạn nên không thể đóng tiền hội chết cho bà T1 thì bà T1 cho ông vô tiếp 01 chân hội và tự ý hốt để lấp tiền hội thiếu mà không giao tiền hội cho ông. Đối với số tiền hội bà T1 tính thì ông cũng đồng ý còn thiếu số tiền hội như bà T1 trình bày. Tuy nhiên do hoàn cảnh hiện khó khăn, ông bị tai nạn bị thương không lao động được nên không có tiền đóng cho bà T1, ông yêu cầu cho ông trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc bà T1 thiếu tiền hội của con ông nhưng ông nói với con ông nhưng con ông không đồng ý do nói không phải là tiền hội của con nên không đồng ý việc để vợ chồng trả tiền hội cho con.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Danh Thị S trình bày: Ban đầu bà chỉ tham gia 01 chân hội của bà T1, sau đó giữa bà T1 với chồng bà có thỏa thuận tham gia thêm 01 chân hội thì bà không thống nhất nhưng sau đó bà T1 vẫn cho vô thêm 01 chân và tự ý hốt để lấp tiền hội thiếu trước đó thì bà cũng đồng ý. Do chồng bà bị tai nạn nên không thể tiếp tục đóng hội cho bà T1 được nên còn thiếu số tiền hội như bà T1 trình bày. Số tiền hội bà T1 thiếu con bà thì bà có nói với con nhưng con bà không đồng ý về việc này. Đối với số tiền hội thiếu này bà đồng ý trả nhưng không có khả năng trả 01 lần mà yêu cầu trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhiều hơn thì không có đủ khả năng trả.

Tại bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Danh Thị T1, bà Nguyễn Thị Cẩm Hương trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Danh Thị T1 về việc đòi bà Danh Thị S và ông Nguyễn Văn Tròn trả tiền hội còn thiếu 58.000.000 đồng, án phí xem xét miễn cho bà T1 (nếu có) do là người dân tộc khomer cư trú ở vùng kinh tế khó khăn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các điều 26, 35, 93, 97, 195, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự và quy định về thủ tục xét xử vụ án của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị T1, buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Danh Thị S trả cho bà Danh Thị thái số tiền hội

là 58.000.000 đồng. Áp dụng điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp được xác định đây là tranh chấp dân sự về tiền hui, yêu cầu của bà T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh C. theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền lợi cho mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, bà S và ông T2 thừa nhận có tham gia hui do bà T1 làm chủ và còn thiếu bà T1 số tiền hui tổng cộng là 58.000.000 trong các dây hui bà T1 nêu nên bà T1 yêu cầu bà S, ông T2 trả tiền hui còn thiếu là có căn cứ chấp nhận, vì vậy, buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Danh Thị S liên đới trả cho bà Danh Thị T1 số tiền hui 58.000.000 đồng. Về cách thức thanh toán các bên không thống nhất được nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà T1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Bà S và ông T2 được miễn nộp án phí do thuộc trường hợp được miễn án phí (người cao tuổi) và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 227, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị T1. Buộc bà Danh Thị S và Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Danh Thị T1 số tiền 58.000.000 (Năm mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà S và ông T2 được miễn nộp án phí.

Hoàn trả cho bà Danh Thị T1 tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.450.000 (Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010796 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh C.

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C.;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng